



**BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 11-2018**

TRONG SỐ NÀY

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp về chính sách thuế
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- Khoản thu hộ, chi hộ có phải xuất hoá đơn không?
- Các chương trình khuyến mại dưới 100 triệu đồng có phải kê khai thuế giá trị gia tăng không?
- Hoá đơn điện tử có được chuyển đổi sang hoá đơn giấy không?
- Tổ chức tín dụng khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý phải kê khai, nộp thuế như thế nào?

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- Nghị định số: 143/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ
- Nghị định số: 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ
- Nghị định số: 148/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ

NỘI DUNG CHI TIẾT

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Hỏi đáp

Hỏi?

Trường hợp theo đơn đặt hàng thì tên hàng viết bằng tiếng anh, khi tôi xuất hoá đơn tên hàng ghi bằng tiếng anh, bên khách hàng không đồng ý mà phải ghi vừa tiếng Việt, vừa tiếng anh. Vậy xin quý bộ cho ý kiến trường hợp này phải làm như thế nào cho đúng.

Trả lời:

Khoản 1 Điều 11 Luật kế toán quy định: “Chữ viết sử dụng trong kế toán là tiếng Việt. Trường hợp phải sử dụng tiếng nước ngoài trên chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính tại Việt Nam thì phải sử dụng đồng thời tiếng Việt và tiếng nước ngoài”.

Theo quy định nêu trên, trường hợp chứng từ kế toán tại Việt Nam phải sử dụng tiếng nước ngoài thì đồng thời phải sử dụng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

Hỏi?

Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán Công ty tôi muốn đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán tuy nhiên gặp một số vướng mắc muốn được Cục giải đáp như sau: Công ty tôi đã được thành lập bởi 1 công ty kiểm toán trước năm 2015 và công ty kiểm toán này sở hữu 35% vốn điều lệ. Công ty kiểm toán này cũng đang thực hiện kinh doanh dịch vụ kế toán. Theo khoản 3 điều 59 Luật kế toán 2015 thì: "Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán không được góp vốn để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán khác, trừ trường hợp góp vốn với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam". Vậy Khi công ty chúng tôi xin Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán có được không?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 59 Luật kế toán quy định: “Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán không được góp vốn để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán khác, trừ trường hợp góp vốn với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam”.

Khoản 13 Điều 3 Luật Kế toán quy định: “Kinh doanh dịch vụ kế toán là việc cung cấp dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng, lập báo cáo tài chính, tư vấn kế toán và các công việc khác thuộc nội dung công tác kế toán theo quy định của Luật này cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu”

Khoản 1 Điều 24 Nghị định 174/2016/NĐ-CP quy định: “Doanh nghiệp kiểm toán có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập thì được kinh doanh dịch vụ kế toán. Khi không còn đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập thì doanh nghiệp kiểm toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán”.

Như vậy, trường hợp doanh nghiệp kiểm toán có cung cấp dịch vụ kế toán thì sẽ không được góp vốn để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán.

Hỏi?

Theo Điều 6 thông tư 09/2015/TT-BTC: Các doanh nghiệp không thanh toán bằng tiền mặt trong các giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp. Hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 thông tư 09/2015/TT-BTC Hình thức thanh toán trong giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp khác 1. Các doanh nghiệp không sử dụng tiền mặt (tiền giấy, tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước phát hành) để thanh toán khi thực hiện các giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp khác. Theo quy định trên thì công ty tôi (công ty TNHH Panthera) có nhận chuyển nhượng cổ phần của một nhóm các cá nhân để sở hữu toàn bộ số cổ phần mà các cá nhân đó đang nắm giữ tại công ty CP Pan Bến Lức giá trị hợp đồng vào khoảng 40 tỷ. Hai bên thực hiện thanh toán bằng hình thức tiền mặt thì có đúng với quy định trên hay không?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Điều 1^[1] và Điều 2^[2] Thông tư số 09/2015/TT-BTC ngày 29/1/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch tài chính của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt thì việc Công ty TNHH Panthera thanh toán tiền mua cổ phần cho các cá nhân đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Pan Bến Lức thuộc



phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 09/2015/TT-BTC, do đó, Công ty TNHH Panthera không sử dụng tiền mặt khi thanh toán để mua số cổ phần trên.

[1] Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn hình thức thanh toán của doanh nghiệp trong các giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp khác; và hình thức thanh toán của các doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng trong quan hệ vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau trên lãnh thổ Việt Nam.

[2] Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp và tổ chức có liên quan trong quan hệ giao dịch quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Hỏi?

Kính gửi Bộ Tài Chính! Tôi là kế toán công ty có 100% vốn đầu tư nước ngoài. Hiện tại, công ty chúng tôi đang có nhân viên của Công ty chủ đầu tư điều động sang công ty tôi để công tác, nhân viên đó thuộc đối tượng không cư trú. Giữa công ty tôi và công ty chủ đầu tư có ký kết là bên công ty chúng tôi sẽ chịu toàn bộ chi phí về ăn ở đi lại cho nhân viên công ty chủ đầu tư sang công tác tại công ty chúng tôi. Tôi muốn hỏi: 1, Chi phí ăn ở đi lại của nhân viên đó có phải tính và nộp thuế TNCN không? 2. Nếu công ty tôi là người nộp thay thuế TNCN của các khoản chi phí phát sinh cho nhân viên đó thì Số tiền thuế TNCN chúng tôi đã nộp có được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN hay không?

Trả lời:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

+ Tại Điều 1 quy định về Người nộp thuế:

“...Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập...”

+ Tại Khoản 2 Điều 2 quy định các khoản chịu thuế TNCN:

“2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công
là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền....

đ) Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức”

+ Tại khoản 1 Điều 18 quy định:

“Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%”.

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật

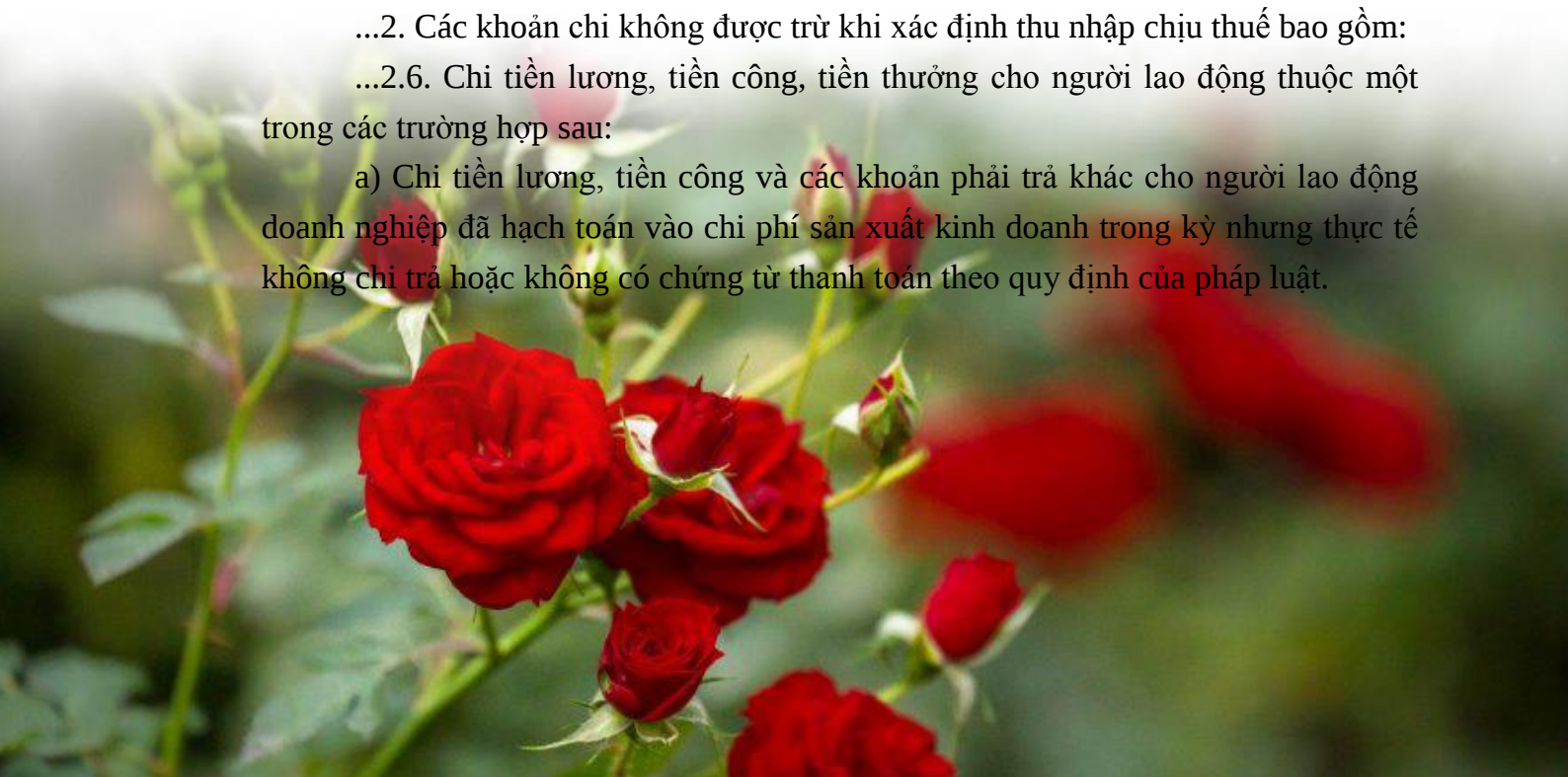
c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

...2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

...2.6. Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động doanh nghiệp đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật.



...2.37. Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế; thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định là ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống vượt mức quy định được khấu trừ theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp trừ trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế thu nhập doanh nghiệp của nhà thầu nước ngoài mà theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân trừ trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động quy định tiền lương, tiền công trả cho người lao động không bao gồm thuế thu nhập cá nhân.”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty nước ngoài cử nhân viên sang làm việc tại Việt Nam (là cá nhân không cư trú theo luật thuế TNCN) và giữa hai bên có thỏa thuận Công ty tại Việt Nam chi trả các khoản chi phí ăn ở đi lại cho nhân viên nước ngoài tại Việt Nam thì:

- Về thuế TNCN: Cá nhân không cư trú có phát sinh thu nhập từ tiền lương, tiền công tại Việt Nam (bao gồm cả các khoản lợi ích bằng tiền và không bằng tiền có tính chất tiền lương tiền công do Công ty Việt Nam chi trả như: tiền nhà ở, đi lại,...) thuộc đối tượng chịu thuế TNCN với mức thuế suất 20%.

- Về thuế TNDN: Trường hợp giữa Công ty nước ngoài và Công ty Việt Nam thỏa thuận khoản thuế TNCN của người lao động được cử sang Việt Nam làm việc sẽ do Công ty Việt Nam chi trả thì khoản chi này được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của đơn vị nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC nêu trên.

Đối với trường hợp cụ thể, đề nghị độc giả cung cấp hồ sơ cụ thể và liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn.

2. Các công văn trả lời về thuế.

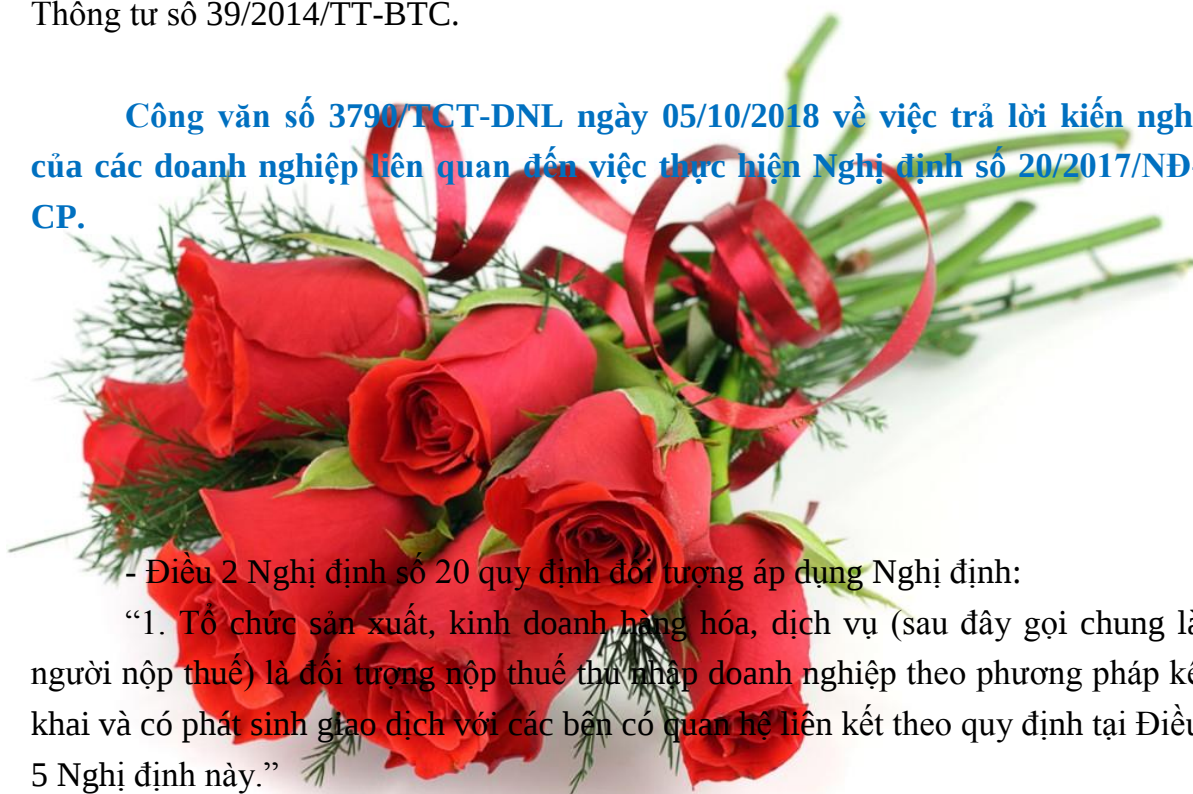
Công văn số 3684/TCT-CS ngày 28/9/2018 về việc chính sách thuế.

Về nguyên tắc doanh nghiệp được trừ các khoản chi nếu phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật (hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt).

Theo nội dung câu hỏi của bà Kiều Thị Xuân Phượng, trường hợp Trung tâm tiếng Nhật Vũ Sĩ là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty cổ phần ITM, không có

tư cách pháp nhân, nếu có văn bản ủy quyền hợp pháp về việc Công ty ủy quyền cho Trung tâm được thanh toán các chi phí và nhận tiền từ khách hàng thì chứng từ thanh toán qua ngân hàng từ tài khoản của Trung tâm sang tài khoản của bên bán và từ tài khoản của khách hàng sang tài khoản của Trung tâm đáp ứng điều kiện là chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp Trung tâm tiếng Nhật Vũ Sĩ là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty cổ phần ITM, không có tư cách pháp nhân thì việc sử dụng hóa đơn của Trung tâm (chung mẫu hóa đơn của Công ty) thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 39/2014/TT-BTC.

Công văn số 3790/TCT-DNL ngày 05/10/2018 về việc trả lời kiến nghị của các doanh nghiệp liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 20/2017/NĐ-CP.



- Điều 2 Nghị định số 20 quy định đối tượng áp dụng Nghị định:

“1. Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (sau đây gọi chung là người nộp thuế) là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.”

- Tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20 quy định về chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

“3. Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế.

Quy định này không áp dụng với người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm.”

Tổng mức chi phí lãi vay của người nộp thuế được trừ theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20 được tính trên tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không phân biệt lãi vay phát sinh với bên liên kết hay bên độc lập.

Công văn số 3813/TCT-CS ngày 08/10/2018 về việc thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp Công ty TNHH EF Education Việt Nam ký hợp đồng với các tổ chức nước ngoài để tổ chức các chương trình du học ngoại ngữ, các khóa đào tạo ngôn ngữ tại nhiều quốc gia và cung cấp các dịch vụ quảng bá các chương trình du học ngoại ngữ và các khóa học ngôn ngữ khác đến các học viên tại Việt Nam nếu đáp ứng điều kiện tiêu dùng ở ngoài Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng thì được áp dụng thuế suất 0% theo quy định.

Công văn số 3841/TCT-TTr ngày 09/10/2018 về việc tính thuế TNCN đối với bất động sản hình thành trong tương lai.

Đối với trường hợp chuyển nhượng bất động sản hình thành trong tương lai có giá kê khai tính thuế TNCN thấp hơn so với giá thực tế giao dịch bất động sản tương tự của chủ dự án đang bán ra, mà tại thời điểm chuyển nhượng UBND thành phố chưa có quyết định ban hành bảng giá đất trong đó quy định cụ thể giá đất đối với từng vị trí của dự án kể cả trong trường hợp cơ sở hạ tầng đã hoàn thành tương ứng theo tiến độ dự án, khi thực hiện tính thuế TNCN Cục Thuế phải áp dụng căn cứ pháp lý theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính và quy định của Luật Quản lý thuế.

Công văn số 3842/TCT-KK ngày 09/10/2018 về việc thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp Công ty phát sinh số thuế GTGT phải nộp trong nước thì được bù trừ với số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Nếu sau khi bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Số thuế GTGT được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%.

Trường hợp Công ty phát sinh số thuế GTGT chưa khấu trừ hết của đầu vào doanh thu tiêu thụ trong nước hoặc số thuế đã nộp vãng lai ngoại tỉnh thì Công ty không được cộng số chưa khấu trừ hết này với số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu để đề nghị hoàn thuế theo trường hợp xuất khẩu; Công ty được chuyển tiếp số thuế GTGT còn được khấu trừ hàng trong nước sang kỳ tính thuế tiếp theo.

Công văn số 3846/TCT-DNL ngày 10/10/2018 về việc nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Điện lực TNHH BOT Phú Mỹ 3

Công ty Điện lực TNHH BOT Phú Mỹ 3 thuộc đối tượng nộp tiền CQKTTNN theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 1483/GP-BTNMT ngày 13/10/2006 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép.

Tuy nhiên, tại Điều 4 Thỏa thuận bảo lãnh và cam kết Chính phủ giữa Chính phủ Việt Nam với Bên nước ngoài có quy định về tính ổn định và được cụ thể hóa tại Phụ lục 5 Hợp đồng xây dựng kinh doanh chuyển giao dự án điện Phú Mỹ 3 ngày 22/5/2001. Theo đó, Chính phủ đảm bảo các chế độ luật pháp và thuế được thỏa thuận cho dự án Điện Phú Mỹ 3 sẽ giữ nguyên hiệu lực áp dụng, tính ràng buộc và hiệu lực thi hành ở Việt Nam, sẽ ổn định và không thay đổi trong suốt thời hạn của các Thỏa thuận Phú Mỹ 3.

Như vậy, nếu thực hiện thu tiền CQKTTNN của Công ty Điện lực TNHH BOT Phú Mỹ 3 theo quy định tại Luật Tài nguyên nước và Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có thể được coi là thay đổi pháp luật ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của Bên nước ngoài dẫn đến vi phạm Bảo lãnh Chính phủ, gây thiệt hại cho Dự án đến mức được bồi thường.

Công văn số 3848/TCT-KK ngày 10/10/2018 về việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

Trường hợp Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ Thiên An phát hiện việc lỗi kỹ thuật hệ thống phần mềm hỗ trợ kê khai thuế dẫn đến các hóa đơn GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra bỏ sót chưa được chuyển từ các Bảng kê vào Tờ khai khai thuế trong hồ sơ khai thuế GTGT (cũng như hồ sơ khai bổ sung hồ sơ khai thuế GTGT) trước thời điểm Chi cục Thuế huyện Đông Anh (thuộc Cục Thuế thành phố Hà Nội) công bố quyết định kiểm tra thuế đối với các kỳ tính thuế GTGT có liên quan tại trụ sở Công ty thì đề nghị Công ty liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để được xem xét giải quyết như sau:

- Trường hợp lỗi do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế: Công ty được xem xét xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP nêu trên. Cục Thuế thành phố Hà Nội có trách nhiệm phối hợp với Cục Công nghệ thông tin kiểm tra xác định tại thời điểm có tên quan có xảy ra lỗi kỹ thuật giao dịch điện tử hay không và thời điểm khắc phục lỗi kỹ thuật giao dịch điện tử (nếu có) để xem xét xử lý.

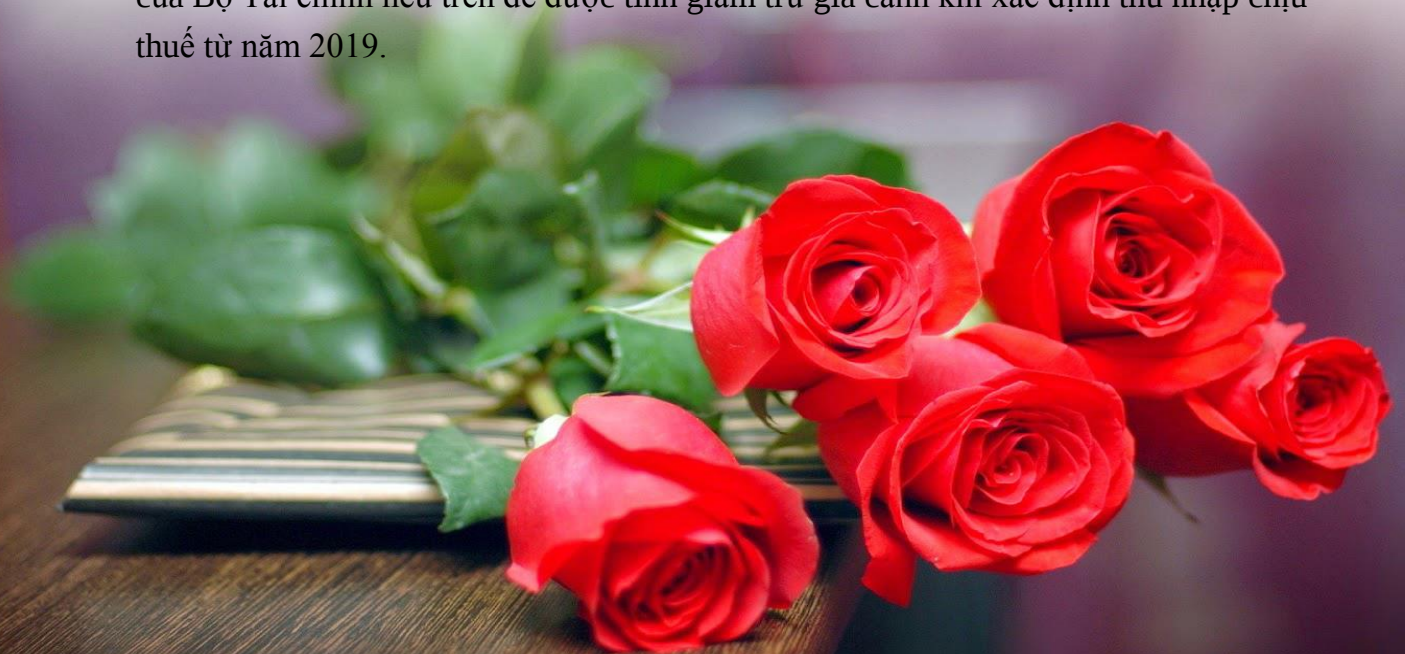
- Trường hợp lỗi do nguyên nhân chủ quan từ phía Công ty: Công ty thực hiện khai các hóa đơn GTGT hàng hóa, dịch vụ bán ra vào hồ sơ khai bổ sung hồ sơ khai thuế GTGT các kỳ tính thuế GTGT đã được Chi cục Thuế công bố quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở Công ty và bị xử lý như đối với trường hợp cơ quan thuế kiểm tra phát hiện; Công ty không được khai bổ sung đối với các hóa đơn GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào do đã quá thời hạn kê khai.

Công văn số 3849/TCT-HTQT ngày 10/10/2018 về thuế khi chuyển lợi tức từ Singapore về Việt Nam

Trường hợp bà Nguyễn Phương Thủy là đối tượng cư trú của Việt Nam tham gia góp vốn đầu tư thành lập công ty tại Singapore, bà Nguyễn Phương Thủy phải nộp thuế TNCN tại Việt Nam đối với thu nhập từ đầu tư vốn với thuế suất 5%. Trường hợp bà Thủy đã nộp thuế đối với tiền lãi cổ phần tại Singapore thì bà Thủy sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp ở Việt Nam, tuy nhiên, số thuế được khấu trừ không vượt quá phần thuế TNCN phải nộp tại Việt Nam. Trường hợp bà Thủy không nộp thuế đối với lãi cổ phần tại Singapore, bà Thủy sẽ không được khấu trừ vào số thuế TNCN phải nộp tại Việt Nam.

Công văn số 3850/TCT-TNCN ngày 10/10/2018 về việc đăng ký giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc.

Trường hợp trong năm tính thuế 2018, người nộp thuế (là mẹ) đã đăng ký giảm trừ gia cảnh cho con thì tiếp tục thực hiện giảm trừ gia cảnh đến hết năm. Trường hợp người nộp thuế (là bố) muốn tính giảm trừ gia cảnh cho con thì thực hiện thủ tục đăng ký khi có thay đổi về người phụ thuộc theo hướng dẫn tại Tiết h.2.1.1.2, Điểm h, Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính nêu trên để được tính giảm trừ gia cảnh khi xác định thu nhập chịu thuế từ năm 2019.



Công văn số 3854/TCT-CS ngày 10/10/2018 về tiền sử dụng đất đối với trường hợp nhận thừa kế tài sản quyền sử dụng đất.

Trường hợp Bà Huỳnh Thị Ba thuộc diện được giao nền trong cụm tuyến dân cư vượt lũ, được UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 877040 ngày 30/8/2013 và được miễn tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo quy định tại khoản 2 điều 1 Quyết định số 48/2012/QĐ-TTg nêu trên. Tuy nhiên, trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 30/8/2013, do bà Ba chết nên con ruột là Lê Thị Uyên là người thừa kế duy nhất quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật thì sau khi nhận thừa kế, bà Uyên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại (quyền sử dụng đất). Theo đó, bà Uyên tiếp tục thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 48/2012/QĐ-TTg (được miễn tiền sử dụng đất và LPTB trong 10 năm). Bà Uyên sẽ phải nộp 50% tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ nếu thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác sau thời hạn 10 năm kể từ ngày 30/8/2013.

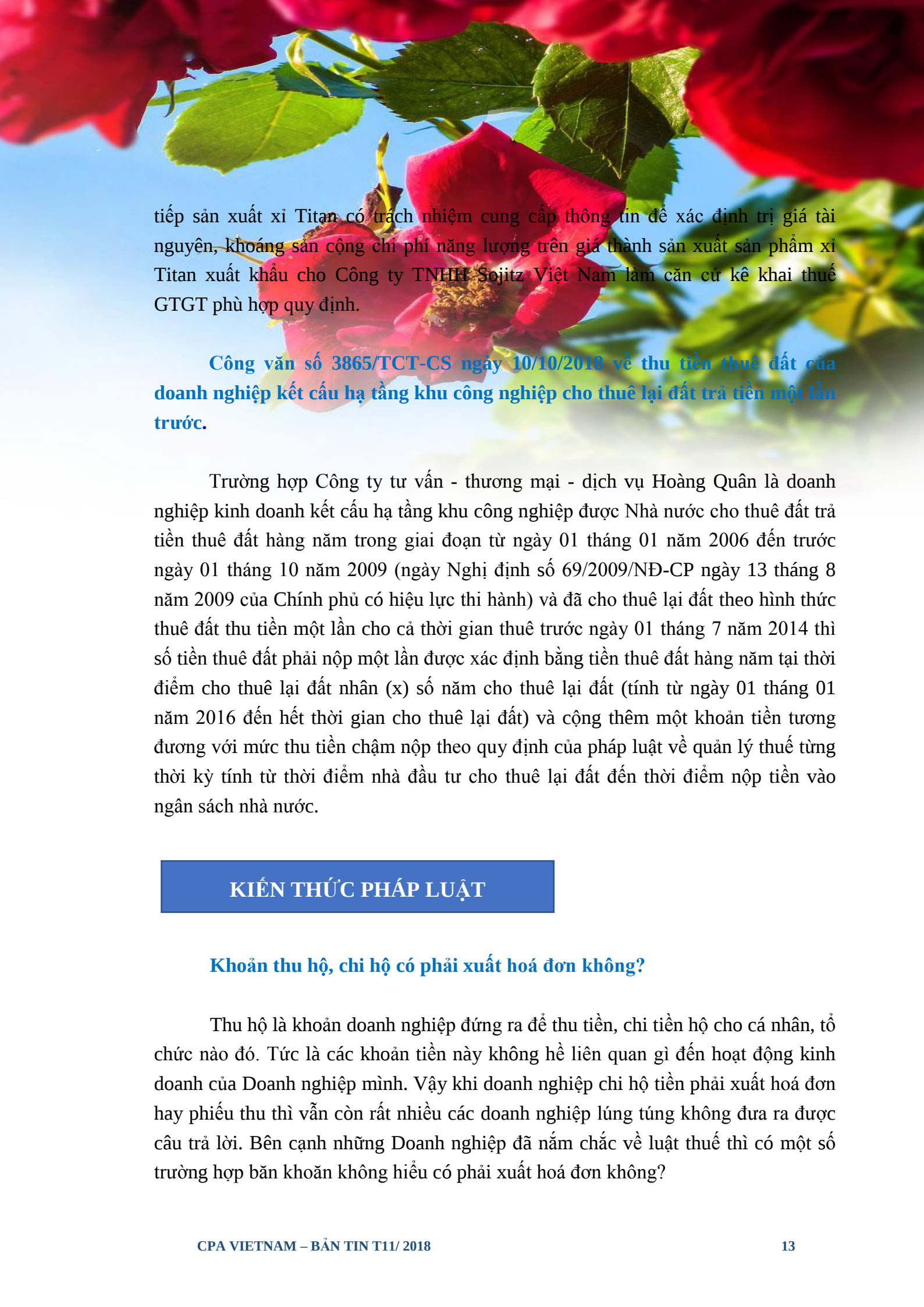
Công văn số 3861/TCT-CS ngày 10/10/2018 về chính sách thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp, Công ty TNHH Sojitz Việt Nam - Chi nhánh tại Hà Nội mua sản phẩm xi Titan do Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn Miền núi - trụ sở tại Thái Nguyên sản xuất để xuất khẩu thì áp dụng chính sách thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm xuất khẩu từ tài nguyên, khoáng sản như sau:

Từ ngày 01/07/2016 đến trước 01/02/2018, chính sách thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm xuất khẩu từ tài nguyên, khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 01/02/2018, chính sách thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm xuất khẩu từ tài nguyên, khoáng sản thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính.

Trường hợp, sản phẩm xi Titan xuất khẩu thuộc đối tượng phải xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm thì Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn Miền núi là đơn vị trực



tiếp sản xuất xi Titan có trách nhiệm cung cấp thông tin để xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm xi Titan xuất khẩu cho Công ty TNHH Sojitz Việt Nam làm căn cứ kê khai thuế GTGT phù hợp quy định.

Công văn số 3865/TCT-CS ngày 10/10/2018 về thu tiền thuê đất của doanh nghiệp kết cấu hạ tầng khu công nghiệp cho thuê lại đất trả tiền một lần trước.

Trường hợp Công ty tư vấn - thương mại - dịch vụ Hoàng Quân là doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến trước ngày 01 tháng 10 năm 2009 (ngày Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ có hiệu lực thi hành) và đã cho thuê lại đất theo hình thức thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì số tiền thuê đất phải nộp một lần được xác định bằng tiền thuê đất hàng năm tại thời điểm cho thuê lại đất nhân (x) số năm cho thuê lại đất (tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến hết thời gian cho thuê lại đất) và cộng thêm một khoản tiền tương đương với mức thu tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế từng thời kỳ tính từ thời điểm nhà đầu tư cho thuê lại đất đến thời điểm nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

Khoản thu hộ, chi hộ có phải xuất hoá đơn không?

Thu hộ là khoản doanh nghiệp đứng ra để thu tiền, chi tiền hộ cho cá nhân, tổ chức nào đó. Tức là các khoản tiền này không hề liên quan gì đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp mình. Vậy khi doanh nghiệp chi hộ tiền phải xuất hoá đơn hay phiếu thu thì vẫn còn rất nhiều các doanh nghiệp lúng túng không đưa ra được câu trả lời. Bên cạnh những Doanh nghiệp đã nắm chắc về luật thuế thì có một số trường hợp băn khoăn không hiểu có phải xuất hoá đơn không?

Theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 16 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC) thì:

Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất).

Đối với tổ chức nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ phải sử dụng hóa đơn GTGT. Khi lập hóa đơn, tổ chức phải ghi đầy đủ, đúng các yếu tố quy định trên hóa đơn. Trên hóa đơn GTGT phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, phụ thu và phí tính ngoài giá bán (nếu có), thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế.

Ví dụ cụ thể đối với Chi nhánh Ngân hàng TMCP A (viết tắt là Chi nhánh A) ký hợp đồng thuê trụ sở với Công ty CP Đầu tư B (viết tắt là Công ty B). Thực tế do trước đây khi thuê tầng 1, tầng 2 Chi nhánh A đã có công tơ điện với Công ty Điện lực. Tuy nhiên từ thời điểm 01/7/2018 Chi nhánh A thu hẹp diện tích tầng 1 và chuyển lên tầng 4 nên phải làm lại công tơ mới. Quá trình đăng ký làm công tơ mới có độ trễ nhất định, từ 1/7/2018 đến thời điểm có công tơ mới, Chi nhánh A dùng chung điện lưới với Công ty B (Công ty B có công tơ riêng để theo dõi số điện), nhưng Công ty B cũng nói rõ họ không xuất được hoá đơn GTGT cho phần điện này của Chi nhánh A vì Công ty B không có chức năng kinh doanh điện (số tiền khoảng 30 triệu đồng) mà Công ty B chỉ cung cấp được phiếu thu.

Vậy trong trường hợp này Công ty B có phải xuất hoá đơn GTGT cho Chi nhánh A không? Nếu không xuất hoá đơn thì Phiếu thu tiền điện có được ghi nhận chi phí hợp lý cho Chi nhánh A không?

Đối với trường hợp Chi nhánh A ký hợp đồng thuê trụ sở với Công ty B Trong Biên bản làm việc quy định trong thời gian đợi công tơ của điện lực Nam Từ Liêm, Chi nhánh A sử dụng nguồn điện lưới tạm thời cùng Công ty B và Chi nhánh A sẽ thanh toán tiền điện cho Công ty B Khi thu tiền điện của Chi nhánh A, Công ty B căn cứ vào số lượng điện tiêu thụ của Chi nhánh A để lập hóa đơn GTGT theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC và Khoản 1 Phụ lục 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC.

Các chương trình khuyến mại dưới 100 triệu đồng có phải kê khai thuế giá trị gia tăng không?

Trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có các nghiệp vụ phục vụ cho việc phát triển kinh doanh như: dùng hàng hóa, thành phẩm để khuyến mại, dùng thử, sampling, trưng bày quảng cáo. Hiện tại doanh nghiệp đã thực hiện quy định về việc xúc tiến thương mại và báo cáo với Sở công thương các chương trình trên vì vậy với các nghiệp vụ trên, khi xuất hóa đơn GTGT dòng thuế suất gạch bỏ và không ghi.

Hiện nay theo khoản 2 điều 17 Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018, thì chi phí các chương trình khuyến mại dưới 100 triệu thì không phải làm thông báo với Sở Công thương.

Vậy đối với trường hợp chi phí các chương trình khuyến mại dưới 100 triệu mà không cần gửi thông báo như quy định về xúc tiến thương mại của Sở Công thương với các nội dung như khuyến mại, dùng thử, sampling, trưng bày thì đơn vị có phải tính thuế GTGT?

Theo như quy định của Luật thuế GTGT, việc thực hiện các chương trình khuyến mại phải phù hợp quy định của Luật Thương mại. Do vậy, tính đến trước ngày 15/07/2018 (trước khi Nghị định 81/2018/NĐ-CP có hiệu lực), khi thực hiện các chương trình khuyến mại đơn vị phải thực hiện thông báo và được sự đồng ý của Sở Công thương thì các hàng hóa, dịch vụ của chương trình khuyến mại này mới đủ cơ sở được xác định giá tính thuế GTGT là bằng không, tức sẽ không phải nộp thuế GTGT đối với các hàng hóa này.

Tuy nhiên, hiện nay theo quy định mới của Chính phủ, đối với các chương trình khuyến mại (sử dụng thử sản phẩm, trưng bày quảng cáo...) có tổng chi phí dưới 100 triệu đồng thì không phải thông báo đến Sở Công thương, việc này đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018.

Vậy dựa trên cơ sở quy định mới của Luật Thương mại nên trường hợp các đơn vị kinh doanh có sử dụng hàng hóa, thành phẩm để khuyến mại; cho khách hàng sử dụng thử; trưng bày quảng cáo mà các chương trình này có tổng chi phí dưới 100 triệu đồng phù hợp quy định của Luật Thương mại về xúc tiến thương mại thì giá tính thuế đối với các hàng hóa, sản phẩm này khi lập hóa đơn GTGT vẫn được xác định là bằng không.

Hoá đơn điện tử có được chuyển đổi sang hoá đơn giấy không?

Hóa đơn điện tử ra đời mang đến rất nhiều sự tiện dụng cho người bán hàng cũng như khách hàng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khách hàng có nhu cầu sử dụng hóa đơn giấy để thực hiện việc lưu trữ, luân chuyển chứng từ... thì việc chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy là thủ tục mới nên không phải ai cũng nắm được. Vậy cách chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy theo đúng pháp lý như thế nào?

Theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng, dịch vụ thì:

Hoá đơn điện tử là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng phương tiện điện tử. Hóa đơn điện tử phải đáp ứng các nội dung quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Hóa đơn điện tử được khởi tạo, lập, xử lý trên hệ thống máy tính của tổ chức đã được cấp mã số thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ và được lưu trữ trên máy tính của các bên theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử”.

Đối với việc lưu trữ, hủy và tiêu hủy hóa đơn điện tử:

Người bán, người mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử để ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính phải lưu trữ hóa đơn điện tử theo thời hạn quy định của Luật Kế toán. Trường hợp hóa đơn điện tử được khởi tạo từ hệ thống của tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử thì tổ chức trung gian này cũng phải thực hiện lưu trữ hóa đơn điện tử theo thời hạn nêu trên.

Người bán, người mua là đơn vị kế toán và tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử có trách nhiệm sao lưu dữ liệu của hóa đơn điện tử ra các vật mang tin (ví dụ như: bút nhớ (đĩa flash USB); đĩa CD và DVD; đĩa cứng gắn ngoài; đĩa cứng gắn trong) hoặc thực hiện sao lưu trực tuyến để bảo vệ dữ liệu của hóa đơn điện tử”.

Như vậy nếu muốn chuyển từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy thì:

1. Nguyên tắc chuyển đổi

Người bán hàng hóa được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông và chỉ được chuyển đổi một (01) lần. Hóa đơn điện tử chuyển đổi sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa phải đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều này và phải có chữ ký người đại diện theo pháp luật của người bán, dấu của người bán.



Người mua, người bán được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn điện tử chuyển đổi sang hóa đơn giấy phục vụ lưu trữ chứng từ kế toán phải đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều này.

2. Điều kiện

Hóa đơn điện tử chuyển sang hóa đơn giấy phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Phản ánh toàn vẹn nội dung của hóa đơn điện tử gốc;
- b) Có ký hiệu riêng xác nhận đã được chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy;
- c) Có chữ ký và họ tên của người thực hiện chuyển từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy.

3. Giá trị pháp lý của các hóa đơn điện tử chuyển đổi.

Hóa đơn điện tử chuyển đổi có giá trị pháp lý khi bảo đảm các yêu cầu về tính toàn vẹn của thông tin trên hóa đơn nguồn, ký hiệu riêng xác nhận đã được chuyển đổi và chữ ký, họ tên của người thực hiện chuyển đổi được thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển đổi chứng từ điện tử.

4. Ký hiệu riêng trên hóa đơn chuyển đổi.

Ký hiệu riêng trên hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn dạng giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ “HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ”); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi”.

Nếu bên bán hàng có sử dụng hoá đơn điện tử thì bên mua hàng sử dụng hoá đơn điện tử của người bán để kê khai thuế. Bên mua có trách nhiệm sao lưu dữ liệu của hóa đơn điện tử ra các vật mang tin (ví dụ như: bút nhớ (đĩa flash USB); đĩa CD và DVD; đĩa cứng gắn ngoài; đĩa cứng gắn trong) hoặc thực hiện sao lưu trực tuyến để bảo vệ dữ liệu của hóa đơn điện tử.

Đối với bên mua hàng muốn chuyển đổi hoá đơn điện tử sang hoá đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán thì khi Công ty chuyển đổi hoá đơn điện tử sang hoá đơn giấy phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư số 32/2017/TT-BTC.

Tổ chức tín dụng khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý phải kê khai, nộp thuế như thế nào?

Theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm, trong thời gian chờ xử lý tài sản bảo đảm (TSBD), bên nhận bảo đảm được khai thác, sử dụng TSBD hoặc cho phép bên bảo đảm hoặc ủy quyền cho người thứ ba khai thác, sử dụng TSBD theo đúng tính năng và công dụng của tài sản. Việc cho phép hoặc ủy quyền khai thác, phương thức khai thác và việc xử lý hoa lợi, lợi tức thu được phải được lập thành văn bản.

Vậy, trong trường hợp một tổ chức tín dụng khai thác (cho thuê) TSBD hoặc ủy quyền cho bên thứ ba khai thác TSBD thì nghĩa vụ thuế phát sinh đối với hoạt động này như thế nào?

Để thực hiện đúng nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ xuất hóa đơn đối với hoạt động này, người nộp thuế cần lưu ý xác định TSBD thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng hay vẫn thuộc sở hữu của người vay.

1. Trường hợp TSBD đã thuộc quyền sở hữu của tổ chức tín dụng thì nghĩa vụ thuế đối với hoạt động khai thác TSBD trong thời gian chờ xử lý được thực hiện như sau:

Về thuế GTGT: Nghĩa vụ thuế đối với việc khai thác TSBD tại Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định đối tượng không chịu thuế GTGT không có trường hợp cho thuê TSBD trong thời gian chờ xử lý. Do vậy, hoạt động cho thuê TSBD thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Về hóa đơn: trường hợp tổ chức tín dụng hoặc ủy quyền cho bên thứ ba khai thác TSBD trong quá trình chờ xử lý với mục đích thu hồi nợ gốc thì tổ chức tín dụng có trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT cho bên thuê tài sản hoặc ủy quyền cho bên thứ ba xuất hóa đơn cho bên thuê tài sản, trên hóa đơn ghi tên đơn vị bán là tổ chức tín dụng.

Về thuế TNDN: trường hợp trong thời gian chờ xử lý TSBD, tổ chức tín dụng phát sinh khoản doanh thu từ hoạt động cho thuê TSBD thì khoản doanh thu đó thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Khoản doanh thu thu được từ hoạt động cho thuê TSBD sau khi trừ đi các chi phí có liên quan đến việc khai thác TSBD là khoản thu nhập của tổ chức tín dụng, vì vậy tổ chức tín dụng phải kê khai và nộp thuế TNDN theo quy định.

2. Trường hợp TSBD thuộc quyền sở hữu của khách hàng có TSBD thì nghĩa vụ thuế đối với hoạt động khai thác TSBD trong thời gian chờ xử lý được thực hiện như sau:

Trường hợp trong thời gian chờ xử lý TSBĐ (TSBĐ vẫn thuộc quyền sở hữu của khách hàng có TSBĐ), tổ chức tín dụng phát sinh khoản thu nhập từ hoạt động khai thác TSBĐ thì tổ chức tín dụng phải hạch toán riêng doanh thu, chi phí và thuế giá trị gia tăng, khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân thay cho khách hàng có TSBĐ theo quy định. Thu nhập sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế được bù trừ vào số nợ phải trả của khách hàng vay tiền./.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

Nghị định số: 143/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Ngày 15/10/2018 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 143/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn, vệ sinh lao động bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2018.

Như vậy, kể từ ngày 01/12/2018, người lao động sẽ thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và BH tai nạn lao động như sau:

1. Đối với người lao động Việt Nam:

- Người sử dụng lao động đóng 14% vào quỹ hưu trí, tử tuất; 3% vào quỹ ốm đau, thai sản; 0,5% vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; 1% vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp; 3% vào quỹ bảo hiểm y tế;

Như vậy, tổng cộng các mức đóng từ người sử dụng lao động là 21,5%.

- Người lao động đóng 8% vào quỹ hưu trí, tử tuất; 1% vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp; 1,5% vào quỹ bảo hiểm y tế;

Như vậy, tổng cộng các mức đóng của người lao động là 10,5%.

2. Đối với người lao động nước ngoài:

- Từ ngày 01/12/2018, Người sử dụng lao động đóng 6,5%, gồm: 3% vào quỹ ốm đau, thai sản; 0,5% vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; 3% vào quỹ bảo hiểm y tế;

Người lao động đóng 1,5% vào quỹ bảo hiểm y tế.

- Từ ngày 01/01/2022, Người sử dụng lao động đóng là 20,5% gồm có 14% vào quỹ hưu trí, tử tuất;

Người lao động đóng là 9.5% gồm có 8% vào quỹ hưu trí, tử tuất.

Nghị định số: 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 Chính phủ ban hành nghị định số 146/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế.

Đây là một trong những nội dung được quy định tại Nghị định 46/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

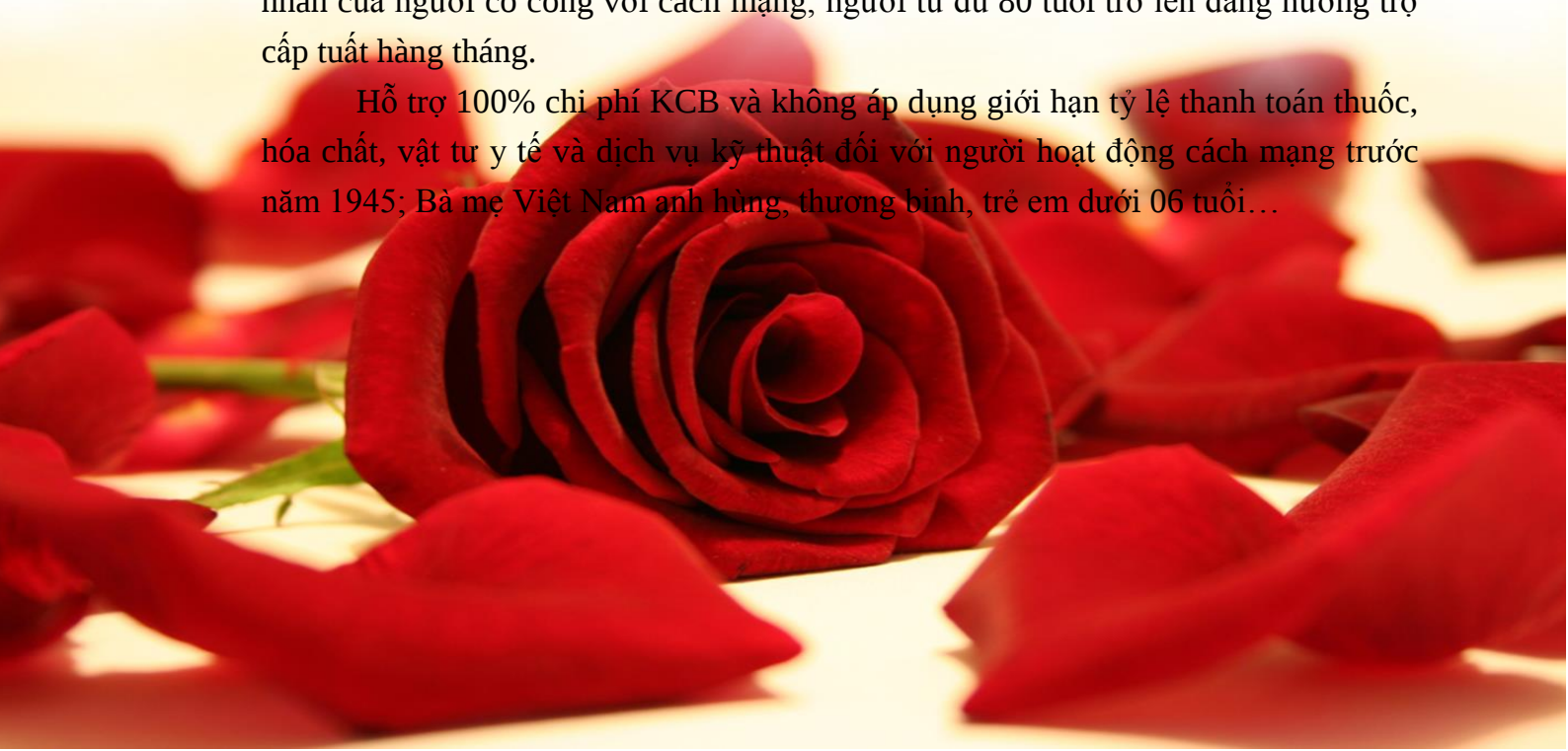
Cụ thể, Nghị định quy định:

Theo đó, chậm nhất đến ngày 01/01/2020 cơ quan bảo hiểm xã hội phải có trách nhiệm thực hiện phát hành thẻ bảo hiểm y tế điện tử cho người tham gia bảo hiểm y tế.

Đối với mức đóng của nhóm tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình thì được giảm trừ mức đóng khi các thành viên tham gia bảo hiểm y tế cùng tham gia trong năm tài chính.

Hỗ trợ 100% chi phí KCB với các đối tượng gồm người có công với cách mạng; cựu chiến binh; người được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng; người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; thân nhân của người có công với cách mạng; người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.

Hỗ trợ 100% chi phí KCB và không áp dụng giới hạn tỷ lệ thanh toán thuốc, hóa chất, vật tư y tế và dịch vụ kỹ thuật đối với người hoạt động cách mạng trước năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, trẻ em dưới 06 tuổi...



Hỗ trợ 100% chi phí KCB tại tuyến xã

Hỗ trợ 100% chi phí KCB đối với các trường hợp chi phí cho một lần KCB thấp hơn 15% lương cơ sở (Hiện nay lương cơ sở là 1,39 triệu đồng/tháng)

Hỗ trợ 100% chi phí KCB khi người bệnh tham gia BHYT 05 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí KCB trong năm lớn hơn 06 tháng lương cơ sở, trừ khi tự đi KCB vượt tuyến.

Đối với các trường hợp khác, mức hưởng BHYT chỉ từ 80 - 95%.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/12/2018.

Nghị định số: 148/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 148/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

Theo đó thời gian người lao động(NLĐ) đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động (NSDLĐ) khi tính trợ cấp thôi việc, mất việc bao gồm:

- Thời gian NLĐ đã làm việc thực tế cho NSDLĐ theo hợp đồng lao động; (Quy định này không tính thời gian thử việc, học nghề, tập nghề, của NLĐ là thời gian làm việc để chi trả trợ cấp)

- Thời gian được NSDLĐ cử đi học;

- Thời gian nghỉ hưởng chế độ ốm đau, thai sản theo quy định;

- Thời gian nghỉ việc để điều trị, phục hồi chức năng lao động khi bị TNLĐ BNN mà được NSDLĐ trả lương theo quy định;

- Thời gian nghỉ hàng tuần, nghỉ việc hưởng nguyên lương theo điều 110,111,115 và khoản 1 Điều 116 Bộ luật lao động;

- Thời gian nghỉ việc để hoạt động công đoàn;

Thời gian nghỉ việc để thực hiện nghĩa vụ công dân theo quy định mà được NSDLĐ trả lương;

- Thời gian phải ngừng việc, nghỉ việc không do lỗi của NLĐ; thời gian bị tạm đình chỉ công việc theo điều 129 Bộ luật lao động;

Nghị định 148/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/12/2018.

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268

Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

